

PHỤ LỤC I

DỰ KIẾN PHÂN BỐ NHU CẦU GẠO CHO HỌC SINH, HỌC VIÊN THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KÌ I (ĐỢT 2)
NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg) (9)=(3)x(7)x(8)	Trong đó			Số gạo cấp đợt 1 tồn cần điều chuyển phân bố trong đợt 2	Ghi chú
		Tổng số 3=4+5+6	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú, nội trú	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT				Số gạo tồn kho năm học 2024-2025 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ đợt 1 của Học kì I năm học 2025-2026 (theo QĐ 99/QĐ/UBND ngày 25/9/2025 của CT UBND tỉnh) (1000kg)	Tổng số gạo đề nghị hỗ trợ đợt 2 của Học kì I năm học 2025-2026 (1000kg) (12)=(9)-(10)-(11)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3x7x8	10	11	12		13
Phần I	UBND CẤP XÃ	28.328	13.884	14.444	-	15	5	2.150,415	2,760	890,700	1.256,955	0,045	
1	XÃ BA DINH	323	213	110	-	15	5	24,525	0,210	10,110	14,205		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Ba Dinh	52		52		15	5	3,900	-	1,620	2,280		
	Trường Tiểu học Ba Dinh	6		6		15	6	0,540	-	0,720	(0,180)		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	111	111			15	5	8,325		3,480	4,845		
	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	14	14			15	6	1,260			1,260		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBTTH&THCS Ba Giang	88	88			15	5	6,600		2,700	3,900		
	Trường THCS Ba Dinh-Ba Tô	52		52		15	5	3,900	0,210	1,590	2,100		
2	XÃ BA ĐỘNG	116	-	116	-	15	5	8,985	-	4,350	4,635		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Ba Thành	97		97		15	5	7,275		2,640	4,635		

	Trường Tiểu học Ba Thành	19		19		15	6	1,710		1,710	-		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
3	XÃ BA TÔ	400	-	400	-	15	5	30,915	-	13,455	17,460	-	
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Ba Tô	207		207		15	5	15,525		4,800	10,725		
	Trường Tiểu học Ba Tô	18		18		15	6	1,620		1,125	0,495		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH&THCS Ba Nam	24		24		15	5	1,800		0,690	1,110		
	Trường TH&THCS Ba Nam	1		1		15	6	0,090		0,030	0,060		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH và THCS Ba Lễ	53		53		15	5	3,975		2,310	1,665		
	Trường TH và THCS Ba Lễ	12		12		15	6	1,080		0,360	0,720		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-			-		
	Trường THCS Ba Tô	7		7		15	5	0,525		0,525	-		
	Trường THCS Ba Tô	15		15		15	7	1,575		1,575	-		
	Trường TH&THCS Ba Nam	31		31		15	5	2,325		0,990	1,335		
	Trường TH và THCS Ba Lễ	32		32		15	5	2,400		1,050	1,350		
4	XÃ BA TƠ	310	280	30	-	15	5	23,250	-	10,140	13,110	-	
	CẤP THCS							-			-		
	Trường TH&THCS Ba Bích	30		30		15	5	2,250	-	1,740	0,510		
	Trường PTDTNT THCS Ba Tơ	280	280			15	5	21,000		8,400	12,600		
5	XÃ BA VÌ	324	-	324	-	15	5	24,795	-	11,805	12,990		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH và THCS Ba Ngạc	22		22		15	5	1,650		1,650	-		
	Trường TH và THCS Ba Tiêu	86		86		15	5	6,450		2,700	3,750		
	Trường TH và THCS Ba Tiêu	25		25		15	6	2,250		1,125	1,125		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV

	Trường Tiểu học Ba Vì	45		45		15	5	3,375		2,370	1,005		
	Trường Tiểu học Ba Vì	8		8		15	6	0,720		0,360	0,360		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH và THCS Ba Ngạc	40		40		15	5	3,000		1,050	1,950		
	Trường TH và THCS Ba Tiêu	98		98		15	5	7,350		2,550	4,800		
6	XÃ BA VINH	142	-	142	-	15	5	10,995	-	6,360	4,635		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH và THCS Ba Vinh	119		119		15	5	8,925		6,360	2,565		
	Trường TH và THCS Ba Vinh	23		23		15	6	2,070			2,070		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
7	XÃ BA XA	366	186	180	-	15	5	27,855	0,270	11,535	16,050		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Ba Xa	153		153		15	5	11,475		4,920	6,555		
	Trường Tiểu học Ba Xa	27		27		15	6	2,430		1,485	0,945		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT THCS Ba Xa	186	186			15	5	13,950	0,270	5,130	8,550		
8	XÃ ĐỘNG THỦY TRÂM	416	330	86	-	15	5	31,290	-	11,790	19,500		
	CẤP TIỂU HỌC												
	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Trang	182	182			15	5	13,650		5,250	8,400		
	Trường TH và THCS Ba Khâm	46		46		15	5	3,450		1,200	2,250		
	Trường TH và THCS Ba Khâm	6		6		15	6	0,540			0,540		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Trang	148	148			15	5	11,100		4,200	6,900		
	Trường TH và THCS Ba Khâm	34		34		15	5	2,550		1,140	1,410		
9	ĐẶC KHU LÝ SƠN	12	-	12	-	15	5	0,900	-	0,450	0,450		-
	CẤP THCS										-		
	Trường THCS An Vĩnh	12		12		15	5	0,900		0,450	0,450		

10	XÃ CÀ ĐAM	201	201	-	-	15	5	15,360	-	5,850	9,510		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH&THCS Trà Tân	8	8			15	5	0,600		0,450	0,150		
	Trường TH&THCS Trà Tân	3	3			15	6	0,270			0,270		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bui	16	16			15	6	1,440			1,440		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bui	95	95			15	5	7,125		3,120	4,005		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH&THCS Trà Tân	3	3			15	5	0,225		0,300	(0,075)		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Bui	76	76			15	5	5,700		1,980	3,720		
11	XÃ TÂY TRÀ	1.538	1.324	214	-	15	5	117,645	0,090	44,730	72,825		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Trà Phong	38		38		15	6	3,420		1,110	2,310		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường Tiểu học Trà Phong	168		168		15	5	12,600		5,040	7,560		
	Trường Tiểu học Trà Xinh	34	34			15	6	3,060		1,530	1,530		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường Tiểu học Trà Xinh	158	158			15	5	11,850		5,070	6,780		
	Trường PTDTBT TH Sơn Trà	43	35	8		15	6	3,870		0,590	3,280		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH Sơn Trà	147	147			15	5	11,025		4,000	7,025		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà	149	149			15	5	11,175		4,800	6,375		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà	38	38			15	6	3,420		-	3,420		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						- ,000			-		
	Trường THCS Trương Ngọc Khang	163	163			15	5	12,225	0,090	4,170	7,965		
	Trường PTDTBT THCS Sơn Trà	92	92			15	5	6,900		3,000	3,900		
	Trường PTDTBT THCS Trà Xinh	143	143			15	5	10,725		4,800	5,925		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà	134	134			15	5	10,050		3,660	6,390		
	Trường PT DTNT THCS Tây Trà	231	231			15	5	17,325		6,960	10,365		
12	XÃ TÂY TRÀ BÔNG	1.132	991	141	-	15	5	86,520	0,390	34,230	51,900		

	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường PTDTBT TH Trà Tây	141	141			15	5	10,575		4,200	6,375		
	Trường PTDTBT TH Trà Tây	30	30			15	6	2,700		0,900	1,800		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH số 2 Hương Trà	36	36			15	6	3,240		1,080	2,160		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH số 2 Hương Trà	182	182			15	5	13,650		5,520	8,130		
	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà	25	25			15	6	2,250		0,750	1,500		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà	168	168			15	5	12,600		5,370	7,230		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây	17	17			15	6	1,530		0,510	1,020		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây	68	68			15	5	5,100		1,830	3,270		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT THCS Trà Tây	110	110			15	5	8,250		3,750	4,500		
	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Hương Trà	145	145			15	5	10,875		4,560	6,315		
	Trường PTDTBT THCS số 2 Hương Trà	141		141		15	5	10,575	0,360	3,540	6,675		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây	69	69			15	5	5,175	0,030	2,220	2,925		
13	XÃ THANH BÔNG	935	935	-	-	15	5	71,430	-	25,590	45,840		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Thanh	52	52			15	6	4,680		0,300	4,380		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Thanh	230	230			15	5	17,250		6,900	10,350		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm	9	9			15	6	0,810			0,810		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm	41	41			15	5	3,075		1,500	1,575		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp	26	26			15	6	2,340		0,780	1,560		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp	199	199			15	5	14,925		4,470	10,455		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT THCS Trà Thanh	167	167			15	5	12,525		5,190	7,335		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm	66	66			15	5	4,950		2,550	2,400		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp	145	145			15	5	10,875		3,900	6,975		Không tồn

14	XÃ TRÀ BÔNG	1.023	780	243	-	15	5	77,055	-	30,600	46,455		
	CẤP TIỂU HỌC												
	Trường Tiểu học Trà Sơn	230		230		15	5	17,250		7,560	9,690		
	Trường Tiểu học Trà Sơn	13		13		15	6	1,170			1,170		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy	144	144			15	5	10,800		4,950	5,850		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy	15	15			15	6	1,350			1,350		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy	1	1			15	3	0,045			0,045		Hường từ tháng 11 (chuyển trường đến)
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT THCS Trà Sơn	223	223			15	5	16,725		6,300	10,425		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy	148	148			15	5	11,100		4,335	6,765		
	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy	1	1			15	1	0,015		0,015	-		Nghỉ học
	Trường PT DTNT THCS Trà Bồng	248	248			15	5	18,600		7,440	11,160		
15	XÃ ĐÔNG TRÀ BÔNG	21	21	-	-	15	5	1,575	-	0,540	1,035		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Trà Giang	21	21			15	5	1,575		0,540	1,035		
16	XÃ SƠN TÂY	1.208	1.208	-	-	15	5	92,070	-	37,320	54,750		-
	CẤP TIỂU HỌC									-	-		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Dung	235	235			15	5	17,625		7,050	10,575		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Dung	30	30			15	6	2,700		1,350	1,350		HSBTDTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long	142	142			15	5	10,650		4,260	6,390		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long	28	28			15	6	2,520		1,260	1,260		HSBTDTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Tân	126	126			15	5	9,450		2,670	6,780		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Tân	40	40			15	6	3,600		2,520	1,080		HSBTDTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	-						-			-		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Dung	155	155			15	5	11,625		4,650	6,975		

	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long	120	120			15	5	9,000		3,600	5,400		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Tân	133	133			15	5	9,975		3,960	6,015		
	Trường PTDTNT THCS Sơn Tây	199	199			15	5	14,925		6,000	8,925		
17	XÃ SƠN TÂY HẠ	732	732	-	-	15	5	55,830	-	23,430	32,400		-
	CẤP TIỂU HỌC									-	-		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Màu	145	145			15	5	10,875		5,520	5,355		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Màu	28	28			15	6	2,520		1,305	1,215		HSBTDTTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Lập	116	116			15	5	8,700		4,170	4,530		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Lập	19	19			15	6	1,710		0,855	0,855		HSBTDTTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường Trường TH&THCS Sơn Tinh	116	116			15	5	8,700		3,150	5,550		
	Trường Trường TH&THCS Sơn Tinh	15	15			15	6	1,350		0,720	0,630		HSBTDTTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-			-		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Màu	99	99			15	5	7,425		2,520	4,905		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Lập	107	107			15	5	8,025		2,700	5,325		
	Trường Trường TH&THCS Sơn Tinh	87	87			15	5	6,525		2,490	4,035		
18	XÃ SƠN TÂY THƯỢNG	866	866	-	-			66,090	-	26,265	39,825		-
	CẤP TIỂU HỌC			-	-								-
	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	176	176			15	5	13,200		3,300	9,900		
	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	38	38			15	6	3,420		2,250	1,170		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Bua	107	107			15	5	8,025		2,940	5,085		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Bua	30	30			15	6	2,700		2,205	0,495		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	110	110			15	5	8,250		2,910	5,340		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	8	8			15	6	0,720		0,720	-		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	-		-	-			-			-		
	Trường PTDTBT TH&THCS Đình Thanh Kháng	164	164			15	5	12,300		4,530	7,770		
	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Bua	143	143			15	5	10,725		4,410	6,315		

	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Liên	90	90			15	5	6,750		3,000	3,750		
19	XÃ SƠN HÀ	599	-	599	-	15	5	45,405		26,280	19,125		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH TT Di Lăng số I	25		25		15	5	1,875		1,875	-		
	Trường TH TT Di Lăng số II	49		49		15	5	3,675		2,790	0,885		
	Trường TH TT Di Lăng số II	12		12		15	6	1,080			1,080		HSBTDTTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH Sơn Thượng	71		71		15	5	5,325		2,430	2,895		
	Trường TH Sơn Thượng	6		6		15	6	0,540			0,540		HSBTDTTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH&THCS Sơn Bao	53		53		15	5	3,975		1,620	2,355		
	Trường TH&THCS Sơn Bao	14		14		15	6	1,260		0,630	0,630		HSBTDTTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0					5	-			-		
	Trường THCS TT Di Lăng	43		43		15	5	3,225		3,225	-		
	Trường PTDTNT THCS huyện Sơn Hà	279		279		15	5	20,925		10,860	10,065		
	Trường TH&THCS Sơn Bao	47		47		15	5	3,525		2,850	0,675		
20	XÃ SƠN HẠ	211	-	211	-	15	5	16,080	-	9,990	6,090		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH Sơn Hạ I	1		1		15	5	0,075		0,075	-		
	Trường TH Sơn Hạ II	1		1		15	5	0,075		0,075	-		
	Trường TH Sơn Thành	2		2		15	5	0,150			0,150		
	Trường TH&THCS Sơn Nham	43		43		15	5	3,225		3,165	0,060		
	Trường TH&THCS Sơn Nham	10		10		15	6	0,900			0,900		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	Trường TH&THCS Sơn Nham II	45		45		15	5	3,375		1,800	1,575		
	Trường TH&THCS Sơn Nham II	7		7		15	6	0,630			0,630		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường THCS Sơn Hạ	3		3		15	5	0,225		0,225	-		
	Trường TH&THCS Sơn Nham	55		55		15	5	4,125		3,600	0,525		

	Trường TH&THCS Sơn Nham II	44		44		15	5	3,300		1,050	2,250		
21	XÃ SƠN KỲ	451	227	224	-	15	5	34,770	-	14,460	20,310		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH Sơn Kỳ	141		141		15	5	10,575		2,700	7,875		
	Trường TH Sơn Kỳ	30		30		15	6	2,700		0,900	1,800		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	Trường PTDTBT TH Sơn Ba	194	194			15	5	14,550		6,885	7,665		
	Trường PTDTBT TH Sơn Ba	33	33			15	6	2,970			2,970		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường THCS Sơn Ba	53		53		15	5	3,975		3,975	-		
22	XÃ SƠN LINH	115	-	115	-	15	5	8,625	-	5,130	3,495		
	BẬC TIỂU HỌC										-		
	Trường TH Sơn Cao	36		36		15	5	2,700		1,050	1,650		
	Trường TH&THCS Sơn Giang	5		5		15	5	0,375		0,270	0,105		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường THCS Sơn Cao	4		4		15	5	0,300		0,300	-		
	Trường THCS Sơn Linh	2		2		15	5	0,150		0,150	-		
	Trường TH&THCS Sơn Giang	68		68		15	5	5,100		3,360	1,740		
23	XÃ SƠN THỦY	411	-	411	-	15	5	31,155	-	13,260	17,895		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH&THCS Sơn Hải	91		91		15	5	6,825		3,210	3,615		
	Trường TH&THCS Sơn Hải	13		13		15	6	1,170			1,170		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	Trường TH&THCS Sơn Thủy	77		77		15	5	5,775		2,955	2,820		
	Trường TH&THCS Sơn Thủy	5		5		15	6	0,450		0,225	0,225		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	Trường TH&THCS Sơn Trung	63		63		15	5	4,725		1,740	2,985		
	Trường TH&THCS Sơn Trung	4		4		15	6	0,360			0,360		HSDTTS lớp1 có học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		

[illegible]

	Trường Tiểu học Kim Đồng	44		44		15	5	3,300		1,440	1,860		
	CẤP THCS							-			-		
	Trường THCS Kpă KLong	28		28		15	5	2,100		0,840	1,260		
	Trường PTDTBT THCS Đinh Núp	212		212		15	5	15,900		6,750	9,150		
28	XÃ ĐẮK MAR	395	-	395	-	15	5	29,625	-	0,420	29,205		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	42		42		15	5	3,150		1,950	1,200		
	CẤP THCS							-			-		
	Trường THCS Hùng Vương	353		353		15	5	26,475		6,690	19,785		
29	XÃ YA LY	159	-	159	-	15	5	12,075	0,000	5,430	6,645		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH&THCS xã Ya Ly	10		10		15	6	0,900		0,300	0,600		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH&THCS xã Ya Ly	9		9		15	5	0,675		0,840	(0,165)		
	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	65		65		15	5	4,875		1,980	2,895		
	CẤP THCS							-			-		
	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	75		75		15	5	5,625		2,310	3,315		
30	XÃ ĐẮK SAO	663	663	-	-	15	5	50,595	0,000	20,325	30,270		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường PTDT BT TH-THCS Đăk Sao 1	189	189			15	5	14,175		5,550	8,625		
	Trường PTDT BT TH-THCS Đăk Sao 1	34	34			15	6	3,060		1,125	1,935		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT TH-THCS Đăk Sao 2	24	24			15	6	2,160		0,720	1,440		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT TH-THCS Đăk Sao 2	145	145			15	5	10,875		4,530	6,345		
	CẤP THCS							-			-		
	Trường PTDT BT TH-THCS Đăk Sao 1	135	135			15	5	10,125		4,350	5,775		
	Trường PTDT BT TH-THCS Đăk Sao 2	136	136			15	5	10,200		4,050	6,150		
31	XÃ IA DAL	487	487	0	-	15	5	36,750	0,360	15,840	20,550		

[illegible]

	Trường TH& THCS Chu Văn An	103		103		15	5	7,725		3,060	4,665		
	Trường TH& THCS Chu Văn An	5		5		15	6	0,450		0,225	0,225		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH&THCS Trương Định	359		359		15	5	26,925		8,730	18,195		
	Trường TH&THCS Trương Định	32		32		15	6	2,880		5,265	(2,385)		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH& THCS Chu Văn An	86		86		15	5	6,450		2,820	3,630		
	Trường TH&THCS Trương Định	325		325		15	5	24,375		10,230	14,145		
36	XÃ TU MƠ RỘNG	1.283	-	1.283	-	15	5	97,650	0,000	39,390	58,260		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Kim Đồng	440		440		15	5	33,000		15,450	17,550		
	Trường Tiểu học Kim Đồng	72		72		15	6	6,480			6,480		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT TH-THCS xã Tu Mơ Rông	113		113		15	5	8,475		4,080	4,395		
	Trường PTDTBT TH-THCS xã Tu Mơ Rông	23		23		15	6	2,070			2,070		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-			-		
	Trường PTDTBT TH-THCS xã Tu Mơ Rông	98		98		15	5	7,350		2,970	4,380		
	Trường PTDT BT THCS Kpă KLong	537		537		15	5	40,275		16,890	23,385		
37	XÃ ĐẮK LONG	993	993	-	-	15	5	75,585	0,015	31,275	44,295		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH xã Đăk Long	408	408			15	5	30,600		12,240	18,360		
	Trường TH xã Đăk Long	74	74			15	6	6,660		3,300	3,360		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PT DTBT THCS xã Đăk Long	511	511			15	5	38,325	0,015	15,735	22,575		
38	XÃ ĐẮK RVE	489	-	489	-	15	5	37,140	0,000	15,525	21,615		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học ĐăkRve	15		15		15	5	1,125		0,420	0,705		
	Trường Tiểu học ĐăkRve	3		3		15	6	0,270		0,135	0,135		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV

	Trường PTDT BT-TH Đắk Pn	145		145		15	5	10,875		5,670	5,205		
	Trường PTDT BT-TH Đắk Pn	28		28		15	6	2,520			2,520		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-			-		
	Trường THCS ĐắkRve	144		144		15	5	10,800		4,500	6,300		
	Trường PTDTBT-THCS ĐắkPn	154		154		15	5	11,550		4,800	6,750		
39	XÃ ĐẮK TÔ	250	-	250	-	15	5	18,750	0,000	7,710	11,040		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH-THCS Pô Kô	18		18		15	5	1,350		0,810	0,540		
	CẤP THCS							-			-		
	Trường TH-THCS Pô Kô	232		232		15	5	17,400		6,900	10,500		
40	XÃ IA TOI	597	-	597	-	15	5	44,775	0,420	19,290	25,065		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	167		167		15	5	12,525		7,800	4,725		
	Trường TH-THCS Nguyễn Du	107		107		15	5	8,025		3,300	4,725		
	Trường TH-THCS Nguyễn Sinh Sắc	42		42		15	5	3,150		0,810	2,340		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	210		210		15	5	15,750	0,420	4,980	10,350		
	Trường TH-THCS Nguyễn Du	60		60		15	5	4,500		2,100	2,400		
	Trường TH-THCS Nguyễn Sinh Sắc	11		11		15	5	0,825		0,300	0,525		
41	XÃ ĐẮK PLÔ	469	-	469	-	15	5	35,190	0,060	15,075	20,055		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH&THCS Đắk Plô	24		24		15	5	1,800		0,750	1,050		
	Trường TH&THCS Đắk Plô	1		1		15	6	0,090		0,060	0,030		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH&THCS Đắk Man	63		63		15	5	4,725		2,100	2,625		
	Trường TH&THCS Đắk Nhoong	147		147		15	5	11,025	0,060	4,755	6,210		
	CẤP THCS	0						-			-		

	Trường TH&THCS Đắk Plô	46		46		15	5	3,450		1,350	2,100		
	Trường TH&THCS Đắk Man	62		62		15	5	4,650		2,100	2,550		
	Trường TH-THCS Đắk Nhoong	126		126		15	5	9,450		3,960	5,490		
42	XÃ SA BÌNH	406	-	406	-	15	5	30,615	0,000	12,390	18,225		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	29		29		15	5	2,175		1,170	1,005		
	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	11		11		15	6	0,990			0,990		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường THCS Phan Đình Phùng	161		161		15	5	12,075		4,920	7,155		
	Trường TH-THCS xã Sa Bình	205		205		15	5	15,375		6,300	9,075		
43	XÃ MĂNG ĐEN	332	-	332	-	15	5	24,900	0,000	10,320	14,580		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học thị trấn Măng Đen	29		29		15	5	2,175		1,050	1,125		
	Trường PTDTBT TH Măng Cành	49		49		15	5	3,675		1,740	1,935		
	Trường Tiểu học và THCS Đắk Tăng	76		76		15	5	5,700		2,190	3,510		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường THCS thị trấn Măng Đen	21		21		15	5	1,575		0,540	1,035		
	Trường THCS Măng Cành	65		65		15	5	4,875		2,040	2,835		
	Trường Tiểu học và THCS Đắk Tăng	92		92		15	5	6,900		2,760	4,140		
44	XÃ KON PLÔNG	850	850	-	-	15	5	64,140	0,540	25,500	38,100		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường PTDTBT Tiểu học Kon Plông	13	13			15	6	1,170		0,585	0,585		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT Tiểu học Kon Plông	213	213			15	5	15,975	0,540	5,475	9,960		
	Trường PTDTBT Tiểu học Ngọc Tem	204	204			15	5	15,300		6,255	9,045		
	Trường PTDTBT Tiểu học Ngọc Tem	13	13			15	6	1,170		0,585	0,585		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		

	Trường PTDTBT THCS Kon Plông	201	201			15	5	15,075		6,000	9,075		
	Trường PTDTBT THCS Ngọc Tem	206	206			15	5	15,450		6,600	8,850		
45	XÃ SA LOONG	127	-	127	0	15	5	9,705	-	3,840	5,865		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH-THCS Sa Loong	72		72		15	5	5,400			5,400		
	Trường TH-THCS Sa Loong	12		12		15	6	1,080		0,360	0,720		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-			-		
	Trường TH-THCS Sa Loong	43		43		15	5	3,225		3,480	(0,255)		
46	XÃ ĐẮK KÔI	429	121	308	0	15	5	32,505	0,000	14,610	17,895		
	CẤP TIỂU HỌC	0									-		
	Trường Tiểu học Đăk Kôi	111		111		15	5	8,325		3,600	4,725		
	Trường Tiểu học Đăk Tơ Lung	73		73		15	5	5,475		2,910	2,565		
	Trường Tiểu học Đăk Tơ Lung	22		22		15	6	1,980			1,980		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT - THCS Đăk Tơ Lung	102		102		15	5	7,650		4,200	3,450		
	Trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi	121	121			15	5	9,075		3,900	5,175		
47	XÃ MĂNG RI	766	766	0	0	15	5	58,950	0,000	24,960	33,990		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường PTDT BT TH-THCS Tê Xăng	58	58			15	5	4,350		1,830	2,520		
	Trường PTDT BT TH-THCS Tê Xăng	23	23			15	6	2,070		0,990	1,080		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT TH-THCS Măng Ri	53	53			15	5	3,975		1,560	2,415		
	Trường PTDT BT TH-THCS Măng Ri	18	18			15	6	1,620		0,810	0,810		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Lây	134	134			15	5	10,050		4,020	6,030		
	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Lây	33	33			15	6	2,970		1,485	1,485		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Yêu	85	85			15	5	6,375		2,640	3,735		

	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Yêu	24	24			15	6	2,160		0,990	1,170		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT TH-THCS Văn Xuôi	63	63			15	5	4,725		1,620	3,105		
	Trường PTDT BT TH-THCS Văn Xuôi	11	11			15	6	0,990		0,495	0,495		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDT BT TH-THCS Tê Xăng	49	49			15	5	3,675		1,560	2,115		
	Trường PTDT BT TH-THCS Măng Ri	30	30			15	5	2,250		0,960	1,290		
	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Lây	53	53			15	5	3,975		1,590	2,385		
	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Yêu	67	67			15	5	5,025		2,250	2,775		
	Trường PTDT BT TH-THCS Văn Xuôi	3	3			15	2	0,090		0,090			03 hs nghỉ học từ T11
	Trường PTDT BT TH-THCS Văn Xuôi	62	62			15	5	4,650		2,070	2,580		
48	XÃ NGỌK RỂO	324	-	324	-	15	5	24,300	0,000	11,250	13,050		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH xã Ngok Rểo	60		60		15	5	4,500		1,950	2,550		
	CẤP THCS							-			-		
	Trường THCS xã Ngok Rểo	226		226		15	5	16,950		6,690	10,260		
	Trường TH-THCS Nguyễn Trãi	38		38		15	5	2,850		2,610	0,240		
49	XÃ ĐẮK UI	57	-	57	-	15	5	4,425	0,000	3,960	0,465		
	CẤP TIỂU HỌC	0									-		
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	44		44		15	5	3,300		1,230	2,070		
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	10		10		15	6	0,900			0,900		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	3		3		15	5	0,225		2,730	(2,505)		
50	XÃ KON ĐÀO	371	-	371	-	15	5	27,825	0,000	11,310	16,515		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	17		17		15	5	1,275		0,510	0,765		
	CẤP THCS	0						-			-		

	Trường THCS Đặng Thùy Trâm	50		50		15	5	3,750		1,650	2,100		
	Trường TH-THCS Lê Lợi	304		304		15	5	22,800		9,150	13,650		
51	XÃ ĐẮK PÉK	471	-	471	-	15	5	35,430	0,000	14,130	21,300		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Kim Đồng	55		55		15	5	4,125		1,260	2,865		
	Trường Tiểu học Kim Đồng	4		4		15	6	0,360		0,135	0,225		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	3		3		15	5	0,225			0,225		
	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	98		98		15	5	7,350		3,300	4,050		
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	119		119		15	5	8,925		4,260	4,665		
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	3		3		15	6	0,270		0,405	(0,135)		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường THCS Xã Đăk Pék	40		40		15	5	3,000		1,260	1,740		
	Trường THCS Chu Văn An	98		98		15	5	7,350		1,950	5,400		
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	51		51		15	5	3,825		1,560	2,265		
52	XÃ ĐẮK RƠ WA	374	-	374	-	15	5	28,050	0,060	11,160	16,830		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	176		176		15	5	13,200		5,280	7,920		
	CẤP THCS	0									-		
	Trường TH-THCS ĐăkBlá	148		148		15	5	11,100	0,060	4,380	6,660		
	Trường TH-THCS Đăk Rơ Wa	50		50		15	5	3,750		1,500	2,250		
53	XÃ DỤC NÔNG	831	401	430	-	15	5	63,375	0,000	26,025	37,350		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Tiểu học Kim Đồng	128		128		15	5	9,600		3,810	5,790		
	Tiểu học Kim Đồng	35		35		15	6	3,150		1,530	1,620		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường Tiểu học Đăk Ang	232		232		15	5	17,400		7,080	10,320		
	Trường Tiểu học Đăk Ang	35		35		15	6	3,150		1,485	1,665		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV

	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PTDTBT THCS Ngô Quyền	401	401			15	5	30,075		12,120	17,955		
54	XÃ ĐẮK MÔN	254	-	254	-	15	5	19,095	0,000	8,610	10,485		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH và THCS Nguyễn Du	59		59		15	5	4,425		2,610	1,815		
	Trường TH và THCS Nguyễn Du	3		3		15	6	0,270			0,270		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH và THCS Nguyễn Du	192		192		15	5	14,400		6,000	8,400		
55	XÃ XỚP	352	-	352	-	15	5	26,745	0,060	11,250	15,435		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH&THCS xã Xốp	94		94		15	5	7,050		4,110	2,940		
	Trường TH&THCS xã Xốp	23		23		15	6	2,070		1,260	0,810		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-			-		
	Trường TH&THCS Nguyễn Huệ	143		143		15	5	10,725	0,060	4,290	6,375		
	Trường TH&THCS xã Xốp	92		92		15	5	6,900		1,590	5,310		
56	XÃ MĂNG BÚT	960	0	960	-	15	5	72,840	0,000	26,970	45,870		
	CẤP TIỂU HỌC	0									-		
	Trường PTDT BT Tiểu học Đắk Nền	103		103		15	5	7,725		2,760	4,965		
	Trường PTDT BT Tiểu học Đắk Nền	12		12		15	6	1,080		0,540	0,540		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDT BT Tiểu học Đắk Ring	137		137		15	5	10,275		1,980	8,295		
	Trường PTDT BT Tiểu học Đắk Ring	44		44		15	6	3,960		1,980	1,980		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PTDTBT Cấp 1, 2 Măng Bút 1	153		153		15	5	11,475		4,170	7,305		
	Trường PTDTBT Cấp 1, 2 Măng Bút 2	80		80		15	5	6,000		2,550	3,450		
	CẤP THCS	0						-					
	Trường PTDTBT - THCS Đắk Nền	129		129		15	5	9,675		3,900	5,775		
	Trường PTDTBT-THCS Đắk Ring	158		158		15	5	11,850		3,960	7,890		

	Trường PTDTBT cấp 1,2 Măng Bút 1	96		96		15	5	7,200		3,030	4,170		
	Trường PTDTBT cấp 1, 2 Măng Bút 2	48		48		15	5	3,600		2,100	1,500		
57	XÃ NGỌC LINH	845	845	-	-	15	5	64,305	0,120	26,250	37,935		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường PT DTBT TH&THCS Ngọc Linh	218	218			15	5	16,350		6,240	10,110		
	Trường PT DTBT TH&THCS Ngọc Linh	58	58			15	6	5,220		2,610	2,610		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường PT DTBT TH&THCS Mường Hoong	178	178			15	5	13,350		4,140	9,210		
	Trường PT DTBT TH&THCS Mường Hoong	4	4			15	6	0,360		0,000	0,360		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường PT DTBT TH&THCS Ngọc Linh	198	198			15	5	14,850		6,060	8,790		
	Trường PT DTBT THCS Mường Hoong	189	189			15	5	14,175	0,120	7,200	6,855		
58	XÃ ĐẮK PXI	562	0	562	0	15	5	42,390	0,000	21,120	21,270		
	CẤP TIỂU HỌC										-		
	Trường TH xã Đăk Pxi	101		101		15	5	7,575		5,220	2,355		
	Trường TH xã Đăk Pxi	16		16		15	6	1,440		0,480	0,960		HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	0						-			-		
	CẤP THCS	0						-			-		
	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	272		272		15	5	20,400		10,230	10,170		
	Trường THCS xã Đăk Pxi	173		173		15	5	12,975		5,190	7,785		
Phần II	KHÔI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ	9.727	2.454	-	7.273	15	5	729,090	4,485	310,065	414,540	0,000	
1	Trường PT DTNT THPT tỉnh Quảng Ngãi	495			495	15	5	37,125		14,850	22,275		Đợt 2: 22,275 tấn. Trong đó: - Tiếp nhận của xã Bình Minh 0,045 tấn; - Nhận từ Chi cục dự trữ nhà nước khu vực X: 22,230 tấn;
2	Trường THPT Phạm Kiệt	389			389	15	5	29,175		12,360	16,815		Xã Bà Vĩ
3	Trường THPT Ba Tơ	678			678	15	5	50,850	0,210	21,390	29,250		Xã Ba Tơ
4	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	6			6	15	5	0,450		0,450	-		Xã Thiện Tín

	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	5			5	15	6	0,450		0,450	-		
5	Trường THPT Minh Long	48			48	15	5	3,600	0,060	2,790	0,750		Xã Sơn Mai
6	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	536			536	15	5	40,200	0,945	18,885	20,370		Xã Sơn Tây
7	Trường THPT Sơn Hà	501			501	15	5	37,575	0,660	14,040	22,875		Xã Sơn Hà
8	Trường THPT Quang Trung	388			388	15	5	29,100	0,240	12,810	16,050		Xã Sơn Hạ
9	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	688			688	15	5	51,600	0,435	15,165	36,000		Xã Sơn Kỳ
10	Trường THPT Tây Trà	475			475	15	5	35,625	0,360	14,910	20,355		Xã Tây Trà
11	Trường THPT Trà Bồng	528			528	15	5	39,600	0,600	14,700	24,300		Xã Trà Bồng
12	Trường THPT Ba Gia	2			2	15	5	0,150		0,060	0,090		Xã Ba Gia
13	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	9			9	15	5	0,675		0,450	0,225		Xã Đông Trà Bồng
14	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	2			2	15	5	0,150		0,090	0,060		Phường Nghĩa Lộ
15	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Ba Tơ	70			70	15	5	5,250		1,500	3,750		Xã Ba Tơ
16	Trường PT DTNT THPT Đắk Glei	506	374		132	15	5	37,950	-	14,700	23,250		Xã Đắk Pék
17	Trường PTDTNT THPT Măng Đen	448	354		94	15	5	33,600	0,075	14,325	19,200		Xã Măng Đen
	Trường PTDTNT THPT Măng Đen	16	16			15	1	0,240		0,240	-		
18	Trường PT DTNT THPT Đắk Tô	336	294		42	15	5	25,200	0,120	10,605	14,475		Xã Đắk Tô
	Trường PT DTNT THPT Đắk Tô	5	5			15	1	0,075		0,075	-		
19	Trường PTDTNT THCS và THPT Đắk Rve												Xã Đắk Rve
	Cấp THCS	70	70			15	5	5,250	-	2,100	3,150		
	Cấp THPT	227	205		22	15	5	17,025	-	7,200	9,825		
20	Trường PT DTNT THPT Sa Thầy	390	307		83	15	5	29,250	-	14,100	15,150		Xã Sa Thầy
21	Trường PTDTNT THPT Kon Tum	507			507	15	5	38,025	-	15,360	22,665		Phường Kon Tum
	Trường PTDTNT THPT Kon Tum	2			2	15	1	0,030		0,030	-		
22	Trường PT DTNT THPT Ia Tơ	258	177		81	15	5	19,350	-	8,910	10,440		Xã Ia Tơ
23	Trường PT DTNT THPT Đắk Hà	354	264		90	15	5	26,550	-	10,500	16,050		Xã Đắk Hà
24	Trường PTDTNT THPT Tu Mơ Rông	520	388		132	15	5	39,000	0,270	16,230	22,500		Xã Tu Mơ Rông

25	Trường THPT Trần Phú	388			388	15	5	29,100	0,240	10,260	18,600		Xã Đăk Pék
26	Trường THPT Lê Lợi	35			35	15	5	2,625	0,120	0,990	1,515		Phường Đăk Bla
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	4			4	15	5	0,300		0,120	0,180		Xã Đăk Hà
28	Trường THPT Phan Đình Phùng	71			71	15	5	5,325	0,030	1,320	3,975		Xã Kon Brail
29	Trường THPT Phan Chu Trinh	54			54	15	5	4,050		3,810	0,240		Xã Dục Nông
30	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	10			10	15	5	0,750		0,300	0,450		Xã Đăk Tô
31	Trường THPT Kon Tum	7			7	15	5	0,525		0,300	0,225		Phường Kon Tum
32	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	1			1	15	8	0,120		0,120	-		Phường Đăk Bla
33	Trường THPT Nguyễn Trãi	14			14	15	5	1,050		0,750	0,300		Xã Bờ Y
34	Trường THCS và THPT Ngô Mây	52			52	15	5	3,900		1,980	1,920		Phường Đăk Cẩm
35	Trường THPT Trường Chinh	66			66	15	5	4,950	0,060	0,840	4,050		Phường Kon Tum
36	Trường THPT Duy Tân	14			14	15	5	1,050		0,540	0,510		Phường Đăk Cẩm
37	Trường THPT Nguyễn Huệ	22			22	15	5	1,650	0,060	0,780	0,810		Xã Sa Thầy
38	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	3			3	15	5	0,225		0,120	0,105		Phường Kon Tum
39	Trung tâm GDTX Kon Tum	62			62	15	5	4,650	-	4,650	-		Phường Kon Tum
	Trung tâm GDTX Kon Tum	45			45	15	6	4,050		4,050	-		
40	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Hà	30			30	15	5	2,250	-	2,160	0,090		Xã Đăk Hà
41	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Tô	52			52	15	5	3,900	-	1,200	2,700		Xã Đăk Tô
42	Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông	68			68	15	5	5,100	-	2,400	2,700		Xã Tu Mơ Rông
43	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei	106			106	15	5	7,950	-	4,800	3,150		Xã Đăk Pék
44	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi	3			3	15	7	0,315	-	0,315	-		Xã Bờ Y
	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi	1			1	15	9	0,135		0,135	-		
45	Trung tâm GDNN - GDTX Sa Thầy	71			71	15	5	5,325	-	4,110	1,215		Xã Sa Thầy
46	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy	32			32	15	5	2,400	-	2,040	0,360		Xã Kon Brail
47	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Plông	57			57	15	5	4,275	-	2,700	1,575		Xã Măng Đen
	Tổng cộng (phần I + phần II)	38.055	16.338	14.444	7.273	15	5	2.879,505	7,245	1.200,765	1.671,495	0,045	

*Ghi chú: * UBND xã Bình Minh chịu trách nhiệm vận chuyển 0,045 tấn gạo tồn đến Trường PT DTNT tỉnh để bàn giao theo quy định.*